TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 168/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31/12/2020

V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu
2. Ông Vương Hoàng Phúc

Thư ký phiên tòa: Châu Thị Phượng Liên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:19/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-DS ngày 17/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lý Thị Ngọc T, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Hương Phụ A, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Xuân Trường – Văn phòng Luật sư Giang Minh Châu, Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Lê Thành T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Hương Phụ A, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** *Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Lý Thị Ngọc T như sau***:**

Chị T và anh T chung sống với nhau vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Lộc.Thời gian đầu chung sống không có con chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: Là do hai người có quan niệm và cách nhìn cuộc sống khác nhau nên thường xuyên cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến ly thân nhau. Nay xác định tình cảm không còn thương nhau nữa nên yêu cầu tòa giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị T xin được ly hôn với anh T

Về con chung: Không có

Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa giải quyết

Chị T bận công việc không đến tòa được nên có đơn yêu cầu tòa xét xử vắng mặt

Anh Lê Thành T là bị đơn đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, T tập xét xử hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản trả lời cho Tòa án biết ý kiến của anh về việc khởi kiện của chị T.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T: Có đơn xin vắng mặt

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã nhận định:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Những vấn đề khác Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hôn nhân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí buộc chị T nộp theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng**:** Quá trình giải quyết vụ án chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh T đã được thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; T tập xét xử hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vụ án

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh T chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Lộc nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh T thường xảy ra cự cãi, làm cho cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đã ly thân nhau. Tòa án đã tổ chức hòa giải động viên cho anh, chị đoàn tụ lại với nhau nhưng anh T không đến nên không hòa giải được. Cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được chung sống cũng không hạnh phúc nên hội đồng xử án chấp nhận yêu cầu của chị T cho chị được ly hôn với anh T là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: không có yêu cầu nên không xem xét

[4] Về tài sản chung, nợ chung**:** Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lý Thị Ngọc T cho chị được ly hôn với anh Lê Thành T

Về con chung: Không có nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét

Về nợ chung**:** Không có nên không xem xét.

- Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000166 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; Chị T không phải nộp nữa.

- Về quyền kháng cáo**:** Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

*** *Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Thu Hằng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.... giờ…...phút, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh trà Vinh

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng.

Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Thúy Liễu và ông Vương Hoàng Phúc

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân thụ lý số: 19/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc*"Tranh chấp ly hôn, nuôi con*"giữa:

1. Nguyên đơn: Lý Thị Ngọc T, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Hương Phụ A, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Xuân Trường – Văn phòng Luật sư Giang Minh Châu, Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh

2. Bị đơn: Lê Thành T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Hương Phụ A, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU*:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Các đương sự tranh xin ly hôn và có nơi cư trú thuộc huyện Châu Thành nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

Về tố tụng: Anh T đã được tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không đến cũng không có văn bản trả lời cho tòa biết. Chị T do bận công việc không đến tòa được nên có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

Về điều luật áp dụng: Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:

Áp dụng các Điều 28; 35; 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 56; Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về yêu cầu khởi kiện:Thành phần Hội đồng xét xử thảo luận có ý kiến: Sau khi kết hôn chị T và anh T chung sống hạnh phúc. Bắt đầu năm 2018 thường xuyên cự cải. Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh T không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt sống cũng không hạnh phúc nên chấp nhận cho ly hôn

Về con chung. Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét

Sau khi bàn bạc và có ý kiến như trên, Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lý Thị Ngọc T cho chị được ly hôn với anh Lê Thành T

Về con chung: Không có nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung**:** Không có nên không xem xét.

**Các vấn đề khác hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:*

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc đương sự nộp theo quy định pháp luật

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Liễu **Đỗ Thị Thu Hằng**

Vương Hoàng Phúc